

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 23/2022/MHC

V/v: "Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021
- Hợp nhất và CV giải trình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 – Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2022 tại đường dẫn www.mhc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC đã kiểm toán năm 2021 – Hợp nhất;

- Công văn giải trình số 23/2022/MHC.

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Huy Quảng

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Tú Uyên	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (từ ngày 22/4/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 42, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BÁ HUY

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022



Số: 015/2022/BCKTHN-HT.00051

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 25/3/2022, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCTầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc vào ngày 31/12/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.175.035.559.066	839.941.025.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	142.180.441.420	12.482.983.503
Tiền	111		142.180.441.420	12.482.983.503
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	588.736.040.606	397.604.172.497
Chứng khoán kinh doanh	121		620.010.316.349	425.390.231.271
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(31.274.275.743)	(28.687.585.855)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	901.527.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		430.998.934.238	428.346.145.172
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.151.808.287	10.712.646.535
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	17.989.641.064	87.264.709.041
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	325.000.000.000	200.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	85.514.712.727	137.542.200.455
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(2.657.227.840)	(7.173.410.859)
Hàng tồn kho	140		358.106.364	-
Hàng tồn kho	141		358.106.364	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.762.036.438	1.507.724.095
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	216.406.928	130.191.467
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.762.137.177	754.363.188
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	783.492.333	623.169.440
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.678.289.172	29.141.305.606
Các khoản phải thu dài hạn	210		33.125.566.672	14.673.828.756
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	33.125.566.672	14.673.828.756
Tài sản cố định	220		10.278.766.273	2.239.469.116
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.278.766.273	2.239.469.116
- Nguyên giá	222		25.694.512.112	15.875.344.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.415.745.839)	(13.635.875.150)
Tài sản dở dang dài hạn	240		194.505.932.817	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	194.505.932.817	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	61.768.023.410	12.228.007.734
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		818.023.410	1.278.007.734
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.950.000.000	10.950.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.474.713.848.238	869.082.330.873

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		905.744.738.668	349.651.839.902
Nợ ngắn hạn	310		272.748.974.472	87.167.692.821
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	12.768.666.787	8.010.086.633
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.745.792	52.745.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	11.660.213.895	1.507.058.834
Phải trả người lao động	314		1.729.820.797	1.894.824.992
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	26.806.591.283	13.161.496.574
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	163.730.851.103	3.206.562.936
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	53.334.952.471	56.341.613.716
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.665.132.344	2.993.303.344
Nợ dài hạn	330		632.995.764.196	262.484.147.081
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	118.400.028	128.400.028
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	629.181.789.730	259.839.452.055
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	3.695.574.438	2.516.294.998
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		568.969.109.570	519.430.490.971
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	568.969.109.570	519.430.490.971
Vốn góp của chủ sở hữu	411		414.069.640.000	414.069.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.069.640.000	414.069.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.344.183.063	9.344.183.063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.215.105.288	64.838.519.733
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		64.838.519.733	65.925.106.654
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.376.585.555	(1.086.586.921)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.726.801.219	2.564.768.175
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.474.713.848.238	869.082.330.873

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	23.898.658.790	22.760.651.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		23.898.658.790	22.760.651.278
Giá vốn hàng bán	11	6.2	19.897.756.981	22.353.094.132
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		4.000.901.809	407.557.146
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	376.200.687.249	110.219.066.607
Chi phí tài chính	22	6.4	308.544.241.426	104.800.135.297
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	41.413.708.009	31.671.329.084
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		37.126.961	543.253.280
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	11.863.938.858	10.270.001.993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.830.535.735	(3.900.260.257)
Thu nhập khác	31	6.5	3.257.458.587	6.026.592.725
Chi phí khác	32	6.6	2.326.284.924	40.666.063
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		931.173.663	5.985.926.662
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.761.709.398	2.085.666.405
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	10.743.811.359	1.488.097.271
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	1.179.279.440	1.775.845.889
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		48.838.618.599	(1.178.276.755)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		48.376.585.555	(1.169.542.949)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		462.033.044	(8.733.806)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.168	(28)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	1.168	(28)

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2021	Năm 2020
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		60.761.709.398	2.085.666.405
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.253.857.343	1.494.792.993
Các khoản dự phòng	03		(4.135.381.846)	10.765.336.034
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(107.577.131)	57.511.201
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.592.993.039)	(21.426.073.114)
Chi phí lãi vay	06		41.413.708.009	31.671.329.084
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.593.322.734	24.648.562.603
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(15.544.281.570)	(10.171.346.746)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(358.106.364)	459.000
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		160.556.320.246	(22.926.115.259)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(86.215.461)	75.408.477
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		(194.620.085.078)	42.788.738.051
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.557.500.005)	(20.229.348.122)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.555.644.455)	(5.336.506.201)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(328.171.000)	(245.949.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		(13.900.360.953)	8.603.902.303
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(160.282.346.539)	(101.490.784.822)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		5.496.823.125	24.959.090.908
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(878.332.000.000)	(538.794.227.193)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		822.127.990.639	473.536.865.209
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50.000.000.000)	(950.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		756.840.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.794.867.929	6.836.319.061
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(223.437.824.846)	(135.902.736.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2021	Năm 2020
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		700.000.000	2.660.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	2.554.883.509.650	1.772.357.079.657
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(2.188.547.833.220)	(1.644.276.381.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hđ tài chính	40		367.035.676.430	130.740.698.388
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		129.697.490.631	3.441.863.854
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.482.983.503	9.041.123.871
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(32.714)	(4.222)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	142.180.441.420	12.482.983.503

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5 Cấu trúc tập đoàn

- a) Tại ngày 31/12/2021, Tập đoàn có 03 công ty con (tại ngày 01/01/2021: 03 công ty con)
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty
 - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021 là 35 người (tại ngày 01/01/2021 là: 36 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần MHC Land	Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản

c) Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải

(*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này trên báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con".

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần MHC và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm
- Tài sản cố định khác 05 năm

4.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.11 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.14 Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường của Công ty là trái phiếu ngang giá được ghi nhận bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Lãi trái phiếu được tính định kỳ và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.17 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.18 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	444.282.691	260.015.623
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	141.736.158.729	12.222.967.880
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>142.180.441.420</u>	<u>12.482.983.503</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	320.010.316.349	179.598.241.250	398.491.261.536	489.984.133.050
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	62.349.569.561	61.052.031.750	66.994.751.830	65.487.060.000
+ Tổng Công ty IDICO - CTCP	124.940.922.792	96.921.000.000	-	-
+ Tổng Công ty CP Tư vấn Thiết kế GTVT - CTCP	105.393.400.000	(*)	-	-
+ Giá trị cổ phiếu khác	27.326.423.996	21.625.209.500	331.496.509.706	424.497.073.050
- Tổng giá trị trái phiếu	300.000.000.000	-	26.898.969.735	-
+ Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế hệ mới	-	-	26.898.969.735	(*)
+ Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Nước Sạch và Môi Trường ECO&MORE	300.000.000.000	(*)	-	-
Cộng	620.010.316.349	179.598.241.250	425.390.231.271	489.984.133.050
		(31.274.275.743)		(28.687.585.855)

(*) Do cổ phiếu và trái phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty chưa thể thuyết minh được giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	(28.687.585.855)	(17.981.319.821)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(54.714.713.896)	(111.550.340.154)
Hoàn nhập dự phòng	52.128.024.008	100.844.074.120
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(31.274.275.743)	(28.687.585.855)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	-	-	901.527.081	901.527.081
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	901.527.081	901.527.081
Trái phiếu	-	-	-	-
Cộng	-	-	901.527.081	901.527.081

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

c.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	-	-	2.703.000.000	497.111.285
+ Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	818.023.410	1.734.000.000	780.896.449
Cộng	1.734.000.000	818.023.410	4.437.000.000	1.278.007.734

- Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết trong năm như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.278.007.734	734.754.454
Thay đổi do hợp nhất	(497.111.285)	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết trong năm	37.126.961	543.253.280
Số dư cuối năm	818.023.410	1.278.007.734

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021 được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c.2. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
+ Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	950.000.000	-	(*)	950.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000
+ Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	50.000.000.000	-	(*)	-
Cộng	60.950.000.000	-		10.950.000.000

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Đơn vị khác của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	Tầng 18, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	19,00%	19,00%	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
2	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, toà nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	5,00%	5,00%	Dịch vụ vận tải
3	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,625%	15,625%	Đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	-	4.516.183.019
+ Công ty CP Sản xuất và Thương mại PP	2.161.348.793	2.979.156.469
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	2.990.459.494	3.217.307.047
Cộng	<u>5.151.808.287</u>	<u>10.712.646.535</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không phát sinh

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
+ Bà Bùi Thị Mỹ Duyên	-	86.968.305.916
+ Công ty CP Đầu tư Bất động sản Star Beach Land	3.465.250.314	-
+ Công ty Cổ phần FREELAND	13.754.207.535	-
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	770.183.215	296.403.125
Cộng	<u>17.989.641.064</u>	<u>87.264.709.041</u>

5.5 Phải thu về cho vay

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
+ Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn (*)	325.000.000.000	200.000.000.000
+ Phải thu về cho tổ chức vay ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>325.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Dài hạn		
+ Phải thu về cho cá nhân vay dài hạn	-	-
+ Phải thu về cho tổ chức vay ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Các khoản cho cá nhân vay theo hình thức tín chấp ngắn hạn và có lãi suất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6 Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
+ Phải thu người lao động	381.105.813	-	8.815.468.595	-
+ Ký cược, ký quỹ	2.137.347.800	-	12.080.343.594	-
+ Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	30.000.000.000	-	97.894.463.558	-
+ Lãi trái phiếu, tiền gửi, tiền cho vay	27.445.232.878	-	14.799.191.043	-
+ Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (*)	20.848.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội Phía Nam	1.330.893.473	(1.330.893.473)	1.330.893.473	(1.330.893.473)
+ Các khoản chi hộ	2.895.173.688	-	2.176.220.962	-
+ Phải thu khác	476.959.075	(312.424.867)	445.619.230	(312.424.867)
Cộng	85.514.712.727	(1.643.318.340)	137.542.200.455	(1.643.318.340)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	33.125.566.672	-	14.673.828.756	-
Cộng	33.125.566.672	-	14.673.828.756	-

(*) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh như sau:

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty cổ phần MHC Land và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC. Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2021/HTDFTA/MHC LAND-MCC ngày 03/02/2021.
- Thời gian hợp tác: 02 năm
- Hình thức hợp tác: Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, phân chia sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.7 Nợ xấu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	4.516.183.019	-
+ Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam (SHMC)	Trên 3 năm	1.330.893.473	-	Trên 3 năm	1.330.893.473	-
+ Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	Trên 3 năm	312.424.867	-	Trên 3 năm	312.424.867	-
+ CN Công ty CP vận tải dầu khí Việt Nam tại HP (Falcon HPG)	Trên 3 năm	379.608.500	-	Trên 3 năm	379.608.500	-
+ Công ty CP SX kính Quảng Ninh	Trên 3 năm	157.200.000	-	Trên 3 năm	157.200.000	-
+ Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Ngọc Vy	Trên 3 năm	144.980.000	-	Trên 3 năm	144.980.000	-
+ Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	Trên 3 năm	332.121.000	-	Trên 3 năm	332.121.000	-
Cộng		2.657.227.840	-		7.173.410.859	-

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	(7.173.410.859)	(7.114.340.859)
Hoàn nhập dự phòng	4.516.183.019	-
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	(59.070.000)
Số dư cuối năm	(2.657.227.840)	(7.173.410.859)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2021	15.743.786.167	131.558.099	-	15.875.344.266
Mua trong năm	9.810.627.000	178.607.500	303.920.000	10.293.154.500
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	473.986.654	-	-	473.986.654
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư 31/12/2021	25.080.426.513	310.165.599	303.920.000	25.694.512.112
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2021	13.530.514.017	105.361.133	-	13.635.875.150
Khấu hao trong năm	2.174.802.114	45.961.720	33.093.509	2.253.857.343
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	473.986.654	-	-	473.986.654
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư 31/12/2021	15.231.329.477	151.322.853	33.093.509	15.415.745.839
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	2.213.272.150	26.196.966	-	2.239.469.116
Tại ngày 31/12/2021	9.849.097.036	158.842.746	270.826.491	10.278.766.273

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.869.650.885 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án Nhà văn phòng	194.505.932.817	-
Cộng	194.505.932.817	-

5.10 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	55.162.102	-
Các khoản khác	161.244.826	130.191.467
Cộng	216.406.928	130.191.467

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
+ Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
+ Chi Nhánh Cty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội tại Hải Phòng	627.711.851	627.711.851	416.984.141	416.984.141
+ Công ty TNHH Tuấn Châu	996.199.746	996.199.746	745.415.000	745.415.000
+ Công ty CP Thương Mại và dịch vụ vận tải Hà Trung	817.832.722	817.832.722	1.203.586.994	1.203.586.994
+ Công ty Cổ phần tập đoàn Ecopark	5.339.349.352	5.339.349.352	-	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	3.593.605.759	3.593.605.759	4.250.133.141	4.250.133.141
Cộng	12.768.666.787	12.768.666.787	8.010.086.633	8.010.086.633

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	191.331.129	1.148.042.176	742.537.154	596.836.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.216.316.328	10.555.326.570	1.216.316.328	10.555.326.570
Thuế thu nhập cá nhân	99.411.377	835.664.006	427.024.209	508.051.174
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	425.388.300	425.388.300	-
Cộng	1.507.058.834	12.964.421.052	2.811.265.991	11.660.213.895

Phải thu

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	-	-	574.072.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.576.775	188.484.789	339.328.127	177.420.113
Thuế thu nhập cá nhân	22.520.512	28.934.630	38.414.185	32.000.067
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	623.169.440	217.419.419	377.742.312	783.492.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	26.051.506.847	11.835.616.438
Các khoản trích trước khác	755.084.436	1.325.880.136
Cộng	<u>26.806.591.283</u>	<u>13.161.496.574</u>

5.14 Phải trả khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	212.754.975	187.758.808
+ Nhận tiền hợp tác đầu tư (*)	160.499.292.000	-
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.035.833.150	1.035.833.150
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.970.978	479.970.978
Cộng	<u>163.730.851.103</u>	<u>3.206.562.936</u>
	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
b) Dài hạn		
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	118.400.028	128.400.028
Cộng	<u>118.400.028</u>	<u>128.400.028</u>

(*) Bao gồm:

- Phải trả về nhận tiền hợp tác đầu tư: 52.696.900.000 đồng
 - + Các bên tham gia hợp tác đầu tư bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư MHC và Công ty TNHH VLCC.
 - + Thời gian hợp tác: 06 tháng
 - + Các bên tham gia hợp tác kinh doanh đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng nhau mua cổ phần của công ty mục tiêu (Cổ phần giao dịch).
 - + Các bên thống nhất sau khi hết hạn hoặc chuyển nhượng toàn bộ số Cổ phần giao dịch cho bên thứ ba, các bên sẽ tiến hành phân chia lợi nhuận/ lỗ dựa trên tỷ lệ vốn góp và thời gian đầu tư của mỗi bên.
- Nhận đặt cọc mua cổ phần: 107.802.392.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	47.950.335.471	47.950.335.471	2.180.156.554.975	2.188.547.833.220	56.341.613.716	56.341.613.716
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.384.617.000	5.384.617.000	5.384.617.000	-	-	-
Cộng	53.334.952.471	53.334.952.471	2.185.541.171.975	2.188.547.833.220	56.341.613.716	56.341.613.716
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Vay dài hạn	130.927.168.727	130.927.168.727	76.311.785.727	5.384.617.000	60.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	130.927.168.727	130.927.168.727	76.311.785.727	5.384.617.000	60.000.000.000	60.000.000.000
- Trái phiếu phát hành (**)	498.254.621.003	498.254.621.003	301.745.168.948	3.330.000.000	199.839.452.055	199.839.452.055
Cộng	629.181.789.730	629.181.789.730	378.056.954.675	8.714.617.000	259.839.452.055	259.839.452.055

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng SGO202013183011/HDTD ngày 20/11/2020 ký giữa Công ty Cổ phần MHC và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - TECHCOMBANK chi nhánh Hà Thành. Số tiền vay 37.000.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất theo kế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng SGO202113391192/HDTD ngày 20/4/2021 ký giữa Công ty Cổ phần MHC và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - TECHCOMBANK chi nhánh Hà Thành. Số tiền vay 76.311.785.727 đồng; thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất theo kế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty Cổ phần MHC Land và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - TECHCOMBANK chi nhánh Hà Thành. Tổng số tiền vay 23.000.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất vay theo kế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là: tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(**) Trái phiếu phát hành

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	199.905.936.071	10%/năm	03 năm	199.839.452.055	10%/năm	03 năm
Loại phát hành theo mệnh giá (ii)	298.348.684.932	9,4%/năm	05 năm	-	-	-
Cộng	498.254.621.003			199.839.452.055		

(i) Thông tin chi tiết trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
- Giá trị trái phiếu:

	Giá trị (VND)
Tổng mệnh giá	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(94.063.929)
Trị giá trái phiếu	199.905.936.071

- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000 trái phiếu;
- Ngày phát hành: 29/5/2020;
- Ngày đáo hạn: 29/5/2023.

(ii) Thông tin chi tiết trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
- Giá trị trái phiếu:

	Giá trị (VND)
Tổng mệnh giá	300.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.651.315.068)
Trị giá trái phiếu	298.348.684.932

- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000 trái phiếu;
- Ngày phát hành: 01/7/2021;
- Ngày đáo hạn: 01/7/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.16 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.695.574.438	2.516.294.998
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>3.695.574.438</u>	<u>2.516.294.998</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.17 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2020	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	65.921.564.663	-	517.948.767.726
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(1.169.542.949)	(8.733.806)	(1.178.276.755)
Tăng khác	-	-	-	-	86.498.019	-	86.498.019
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ HDQT	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(86.498.019)	(86.498.019)
Số dư 01/01/2021	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	64.838.519.733	2.564.768.175	519.430.490.971
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	48.376.585.555	462.033.044	48.838.618.599
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2021	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	113.215.105.288	3.726.801.219	568.969.109.570

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	414.069.640.000	414.069.640.000
Cộng	<u>414.069.640.000</u>	<u>414.069.640.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp đầu năm	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	414.069.640.000	414.069.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.406.964	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		01/01/2021	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	109,38	2.470.701	109,38	2.503.415

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tên Công ty	Nguyên nhân	31/12/2021		01/01/2021	
		Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+ Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	Nợ đọng lâu ngày	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+ Công ty TNHH TM DV Phong Châu	Nợ đọng lâu ngày	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+ Công ty XD Công trình Đường thủy II	Nợ đọng lâu ngày	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+ ACHIEVER	Nợ đọng lâu ngày	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+ Công ty GNVN Quyết Tiến	Nợ đọng lâu ngày	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+ Công ty TNHH HH Wallem Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+ Công ty TNHH VTH công nghệ cao	Nợ đọng lâu ngày	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+ OCEAN PARK	Nợ đọng lâu ngày	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+ Bransford International Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	1.510.085.635	2013	1.510.085.635
+ Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng lâu ngày	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+ Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ đọng lâu ngày	2013	671.955.900	2013	671.955.900
+ Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	2012	1.007.000.000
+ Tổng Công ty Xây dựng số 1	Nợ đọng lâu ngày	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+ Bùi Tiến Học	Nợ đọng lâu ngày	2020	25.500.000	2020	25.500.000
+ Các khoản công nợ nó đòi khác	Nợ đọng lâu ngày	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
Cộng			<u>7.279.858.899</u>		<u>7.279.858.899</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.898.658.790	22.760.651.278
+ Dịch vụ vận tải	14.580.840.489	18.294.125.532
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	-	2.160.647.346
+ Dịch vụ khác	9.317.818.301	2.305.878.400
Cộng	<u>23.898.658.790</u>	<u>22.760.651.278</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: không phát sinh

6.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.897.756.981	22.353.094.132
+ Dịch vụ vận tải	15.029.135.762	18.576.146.004
+ Dịch vụ cho thuê văn phòng	-	1.921.487.017
+ Dịch vụ khác	4.868.621.219	1.855.461.111
Cộng	<u>19.897.756.981</u>	<u>22.353.094.132</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	37.442.895.305	15.744.909.099
Lãi bán các khoản đầu tư	326.113.811.313	92.846.728.508
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.536.403.500	1.627.429.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.577.131	-
Cộng	<u>376.200.687.249</u>	<u>110.219.066.607</u>

6.4 Chi phí tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	41.413.708.009	31.671.329.084
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	264.474.985.556	62.351.209.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	57.511.201
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	59.821.983.701	120.354.907.124
Chi phí tài chính khác	2.274.746.688	13.819.640
Các khoản hoàn nhập dự phòng	(59.441.182.528)	(109.648.641.090)
Cộng	<u>308.544.241.426</u>	<u>104.800.135.297</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.5 Thu nhập khác**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	31.818.182	1.317.995.625
Tiền phạt thu được	3.185.449.380	4.708.596.500
Các khoản khác	40.191.025	600
Cộng	<u>3.257.458.587</u>	<u>6.026.592.725</u>

6.6 Chi phí khác

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi ủng hộ phòng chống dịch Covid	2.162.702.925	-
Các khoản bị phạt	125.891.893	15.100.658
Các khoản khác	37.690.106	25.565.405
Cộng	<u>2.326.284.924</u>	<u>40.666.063</u>

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.918.933.372	5.152.065.247
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.425.735.958	436.444.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.497.941.187	143.195.693
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	13.445.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.762.120.865	3.067.863.604
Chi phí bằng tiền khác	2.769.390.495	1.397.918.303
Chi phí dự phòng	(4.516.183.019)	59.070.000
Cộng	<u>11.863.938.858</u>	<u>10.270.001.993</u>

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.467.647.393	3.574.896.076
Chi phí nhân công	9.958.701.878	9.579.165.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.253.857.343	1.494.792.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.813.459.749	16.474.270.771
Chi phí khác bằng tiền	2.784.212.495	1.499.971.067
Chi phí dự phòng	(4.516.183.019)	-
Cộng	<u>31.761.695.839</u>	<u>32.623.096.125</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(i)	10.743.811.359	1.488.097.271
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		10.743.811.359	1.488.097.271
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh		10.743.811.359	1.246.316.328
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		-	241.780.943
Thuế TNDN phải trả hiện hành		10.743.811.359	1.488.097.271

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		2.055.801.133	1.918.685.081
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(876.521.693)	(142.839.192)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại		1.179.279.440	1.775.845.889

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.11 Lãi trên cổ phiếu**

	Đơn vị tính	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	48.376.585.555	(1.169.542.949)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	48.376.585.555	(1.169.542.949)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần	41.406.844	41.406.844
Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	1.168	(28)
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	1.168	(28)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	76.311.785.727	60.742.387.922
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	300.000.000.000	200.000.000.000
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	2.178.571.723.923	1.511.614.691.735
Cộng	2.554.883.509.650	1.772.357.079.657

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	2.188.547.833.220	1.644.276.381.269
Cộng	2.188.547.833.220	1.644.276.381.269

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thông tin về các bên liên quan***Thông tin về các bên liên quan*

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
2	Quý Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Đầu tư khác, có cùng chủ tịch
3	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1	Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.070.040.000	1.227.220.000

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác: Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Quý Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)		
Góp vốn	50.000.000.000	-
Nhận đặt cọc mua cổ phần	107.802.392.000	-

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn			
Quý Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Đầu tư khác, có cùng chủ tịch	107.802.392.000	-

8.2 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động vận tải	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	376.130.237.079	-	14.580.840.489		390.711.077.568
Chi phí của bộ phận	316.020.161.609	-	15.029.135.762		331.049.297.371
Kết quả kinh doanh của bộ phận	60.110.075.470	-	(448.295.273)		59.661.780.197
Doanh thu không phân bổ				9.425.395.432	9.425.395.432
Chi phí không phân bổ				9.256.639.894	9.256.639.894
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					59.830.535.735
Thu nhập khác				3.257.458.587	3.257.458.587
Chi phí khác				2.326.284.924	2.326.284.924
Chi phí thuế TNDN				10.743.811.359	10.743.811.359
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				1.179.279.440	1.179.279.440
Lợi nhuận sau thuế TNDN					48.838.618.599

b) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động vận tải	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	110.762.319.887	2.160.647.346	18.294.125.532		131.217.092.765
Chi phí của bộ phận	113.587.621.083	1.921.487.017	18.576.146.004		134.085.254.104
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(2.825.301.196)	239.160.329	(282.020.472)		(2.868.161.339)
Doanh thu không phân bổ				2.305.878.400	2.305.878.400
Chi phí không phân bổ				3.337.977.318	3.337.977.318
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(3.900.260.257)
Thu nhập khác				6.026.592.725	6.026.592.725
Chi phí khác				40.666.063	40.666.063
Chi phí thuế TNDN				1.488.097.271	1.488.097.271
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				1.775.845.889	1.775.845.889
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(1.178.276.755)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2021:

Khoản mục	Hoạt động	Hoạt động cho	Hoạt động	Tổng cộng
	đầu tư	thuê văn phòng	không phân bổ	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	976.539.897.166			976.539.897.166
Tài sản không phân bổ			498.173.951.072	498.173.951.072
Tổng tài sản				1.474.713.848.238
Nợ phải trả bộ phận	708.568.249.048			708.568.249.048
Nợ phải trả không phân bổ			197.176.489.620	197.176.489.620
Tổng nợ phải trả				905.744.738.668

d) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 01/01/2021:

Khoản mục	Hoạt động	Hoạt động cho	Hoạt động	Tổng cộng
	đầu tư	thuê văn phòng	không phân bổ	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	624.631.371.274			624.631.371.274
Tài sản không phân bổ			244.450.959.599	244.450.959.599
Tổng tài sản				869.082.330.873
Nợ phải trả bộ phận	328.016.682.209			328.016.682.209
Nợ phải trả không phân bổ			21.918.787.134	21.918.787.134
Tổng nợ phải trả				349.651.839.902

8.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Số: 21/2022/MHC

V/v: "Giải trình BCTC đã kiểm toán
năm 2021 – Hợp nhất"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 như sau:

Kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2021:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021:	23.898.658.790 VNĐ
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020:	22.760.651.278 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021:	48.838.618.599 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020:	- 1.178.276.755 VNĐ

Giải trình kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2021 của Công ty:

Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm ngoái (chuyển từ lỗ năm 2020 sang lãi năm 2021) là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020.

- Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất năm 2021 tăng so với năm 2020 (năm 2021 tăng gấp 2,4 lần so với năm 2020). Sự biến động này chủ yếu phát sinh từ hoạt động tài chính, kinh doanh chứng khoán.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Bá Huy